| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 828/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2021
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Bùi Quang Việt

Ông Trần Văn Triều

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1640/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5234/2021/QĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1996(có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 9 Â, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông G, C- H, sinh năm 1979(vắng mặt).

Quốc tịch: Đài Loan (Trung Quốc) .

Địa chỉ: Đài Loan (Trung Quốc).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc A trình bày:

Bà và ông G, C- Hong đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 238 do Ủy ban nhân dân Quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 12 năm 2018. Sau khi kết hôn ông G, C- Hong trở về Đài Loan(Trung

Quốc) sinh sống. Vì công việc bà và ông G, C- H không có thời gian dành cho nhau, cũng vì khoảng cách địa lý vợ chồng ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G, C- H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn là ông G, C- H2, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ: Tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan(Trung Quốc) theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông G, C- Hong có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 455/TTTPDS-TA30 ngày 15/6/2020). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan(Trung Quốc) thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan(Trung Quốc) đã thực hiện được việc tống đạt văn bản của Tòa án bằng phương thức tống đạt: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an cho đương sự. Nhưng cho đến nay, ông G, C- H2 vẫn không có văn bản phản hồi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc A, Hội đồng xét xử nhận thấy bà A và ông G, C- Hong  kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông G, C- H2 hiện cư trú tại Đài Loan(Trung Quốc) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai; thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc A yêu cầu ly hôn ông G, C- Hong, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà Phan Thị Ngọc A (bà A cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì thực tế sau khi kết hôn bà Phan Thị Ngọc A và ông G, Ci- Hong phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà A và ông G, C- Hong không có quá trình chung sống lâu dài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà A và ông G, C- H đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà Phan Thị Ngọc A yêu cầu ly hôn với ông G, C- H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phan Thị Ngọc A khai không có, Tòa án không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà Phan Thị Ngọc A được ly hôn với ông G, C- H là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phan Thị Ngọc A phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc A được ly hôn với ông G, C- H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 238, ngày 05/12/2018 do Ủy ban nhân dân Quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phan Thị Ngọc A và ông G, C- Hong không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phan Thị Ngọc A khai không có, Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phan Thị Ngọc A chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0045883 ngày 23/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Ngọc A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Phan Thị Ngọc A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông G, C- Hong được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận 8, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Duyên**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Bùi Quang Việt** | **Trần Văn Triều** | **Hoàng Thị Bích Duyên** |